**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**VỤ GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN**

**DẠY HỌC MÔN KĨ THUẬT LỚP 5**

**THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN PHẨM CHẤT, NĂNG LỰC HỌC SINH**

**NĂM 2020**

**NHÓM BIÊN SOẠN**

|  |  |
| --- | --- |
| **TS Nguyễn Thị Thanh Huyền** | - Trưởng nhóm |
| **PGS.TS Nguyễn Trọng Khanh** | - Thành viên |
| **TS Nguyễn Thị Mai Lan** | - Thành viên |

**MỤC LỤC**

**Trang**

[I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH MÔN KĨ THUẬT 5 1](#_Toc61303864)

[II. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH MÔN KĨ THUẬT 5 2](#_Toc61303865)

[2.1. So sánh mạch nội dung trong chương trình Thủ công, Kĩ thuật và chương trình môn Công nghệ ở tiểu học 3](#_Toc61303866)

[*2.1.1. Mạch nội dung trong chương trình Thủ công, Kĩ thuật 2006* 3](#_Toc61303867)

[*2.1.2. Mạch nội dung môn Công nghệ ở tiểu học trong chương trình 2018* 4](#_Toc61303868)

[*2.1.3. So sánh mạch nội dung môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5* 5](#_Toc61303869)

[2.2. So sánh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5 6](#_Toc61303870)

[*2.2.1. Mục tiêu môn Kĩ thuật 5* 6](#_Toc61303871)

[*2.2.2. Mục tiêu môn Công nghệ 5* 7](#_Toc61303872)

[*2.2.3. So sánh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5* 9](#_Toc61303873)

[2.3. Về đổi mới mục tiêu và diễn đạt mục tiêu trong giáo dục phổ thông 10](#_Toc61303874)

[*2.3.1. Mục tiêu và cách diễn đạt mục tiêu trong chương trình GDPT 2006* 10](#_Toc61303875)

[*2.3.2. Mục tiêu và cách diễn đạt mục tiêu trong chương trình GDPT 2018* 12](#_Toc61303876)

[2.4. Quan điểm chỉ đạo của Bộ GDĐT về điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá 13](#_Toc61303877)

[2.5. Năng lực công nghệ trong chương trình GDPT 2018 15](#_Toc61303878)

[*2.5.1. Năng lực công nghệ* 15](#_Toc61303879)

[*2.5.2. Mục tiêu về năng lực công nghệ cấp tiểu học* 16](#_Toc61303880)

[2.6. Sự phát triển của khoa học, công nghệ 17](#_Toc61303881)

[III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC MÔN KĨ THUẬT 5 17](#_Toc61303882)

[3.1. Đề xuất điều chỉnh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 17](#_Toc61303883)

[3.2. Đề xuất điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5 19](#_Toc61303884)

[*3.2.1. Cơ sở điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5* 19](#_Toc61303885)

[*3.2.2. Điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5* 21](#_Toc61303886)

[3.3. Đề xuất điều chỉnh phương pháp dạy học 24](#_Toc61303887)

[*3.3.1. Xây dựng kế hoạch bài học dưới dạng các hoạt động* 24](#_Toc61303888)

[*3.3.2. Tăng cường áp dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm* 26](#_Toc61303889)

[*3.3.3. Tăng cường gắn bài học với thực tiễn, chú trọng dạy học thực hành* 27](#_Toc61303890)

[*3.3.4. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học* 27](#_Toc61303891)

[*3.3.5. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn* 28](#_Toc61303892)

[3.4. Đề xuất điều chỉnh kiểm tra, đánh giá 28](#_Toc61303893)

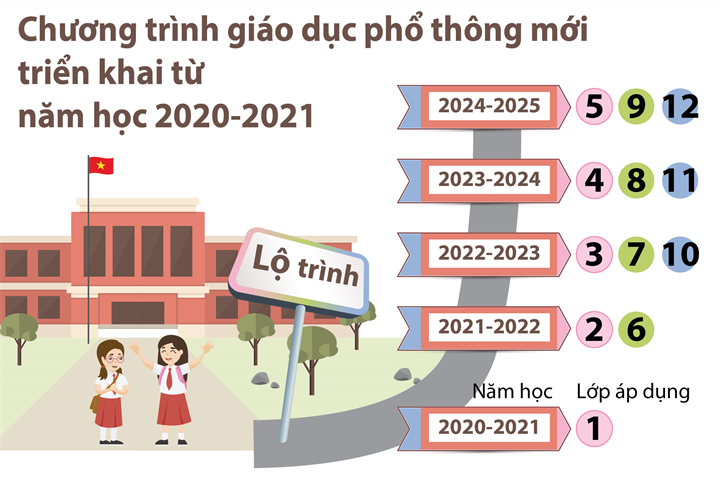
[IV. XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC 30](#_Toc61303894)

[4.1. Bài “Sử dụng điện thoại” 31](#_Toc61303895)

[4.2. Bài “Sử dụng tủ lạnh” 41](#_Toc61303896)

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH MÔN KĨ THUẬT 5

Theo kế hoạch triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018, ban hành kèm theo Thông tư số 32/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT), chương trình GDPT 2018 bắt đầu được thực hiện từ năm học 2020 – 2021 với hình thức cuốn chiếu theo từng cấp như sau (Hình 1):



*Hình 1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018*

* Năm học 2020 – 2021: Thực hiện với lớp 1
* Năm học 2021 – 2022: Thực hiện với các lớp 1, 2 và lớp 6
* Năm học 2022 – 2023: Thực hiện với các lớp 1, 2, 3; lớp 6, 7 và lớp 10
* Năm học 2023 – 2024: Thực hiện với các lớp 1, 2, 3, 4; lớp 6, 7, 8 và lớp 10, 11
* Năm học 2024 – 2025: Thực hiện ở toàn bộ 12 lớp.

Như vậy, đối với học sinh lớp 5 trong các năm học 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023 và 2023-2024 có điểm chung là các em vẫn học tiểu học theo chương trình GDPT 2006 nhưng lên cấp trung học cơ sở (THCS) sẽ học theo chương trình GDPT 2018.

So với chương trình GDPT 2006, môn Công nghệ trong chương trình GDPT 2018 có những đổi mới rõ rệt là: môn Công nghệ bắt đầu được thực hiện từ lớp 3 cho đến lớp 12; đổi mới quan điểm giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; đổi mới nội dung theo hướng hiện đại; đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh và vì sự phát triển phẩm chất, năng và sự tiến bộ của học sinh.

Như vậy, để học sinh lớp 5 thuộc 4 khóa học kể trên chuyển từ học tiểu học theo chương trình GDPT 2006 sang học THCS theo chương trình GDPT 2018 được thuận lợi, trong mấy năm tới, chương trình môn Kĩ thuật 5 cần có sự điều chỉnh về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

II. CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC ĐIỀU CHỈNH MÔN KĨ THUẬT 5

Theo chương trình GDPT 2006 (ban hành theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT), môn Công nghệ ở tiểu học, theo tên gọi ở sách giáo khoa là: “Thủ công” được dạy ở khối lớp 1, 2 và 3; “Kĩ thuật” được dạy ở khối lớp 4 và 5. Vì vậy, sau đây có thể gọi ngắn gọn là “môn Kĩ thuật lớp 5” hoặc “môn Kĩ thuật 5”.

Còn theo chương trình GDPT 2018 - chương trình tổng thể (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT), môn Công nghệ ở tiểu học được ghép với môn Tin học thành môn “Tin học và Công nghệ” (môn Tin học và Công nghệ bao gồm hai phân môn: phân môn Tin học và phân môn Công nghệ) và được dạy ở các khối lớp 3, 4 và 5. Sau đây có thể gọi ngắn gọn “phân môn Công nghệ lớp 5” là “môn Công nghệ lớp 5” hoặc “môn Công nghệ 5” (tương ứng với cách gọi tên môn: “môn Công nghệ 6”, “môn Công nghệ 7”… “môn Công nghệ 12” ở cấp THCS và THPT).

Để điều chỉnh dạy học môn Kĩ thuật 5 về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận chương trình GDPT 2018, trước hết cần so sánh hai chương trình GDPT về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học.

## **2.1. So sánh mạch nội dung trong chương trình Thủ công, Kĩ thuật và chương trình môn Công nghệ ở tiểu học**

### ***2.1.1. Mạch nội dung trong chương trình Thủ công, Kĩ thuật 2006***

*Bảng 1. Chương trình Thủ công, Kĩ thuật năm 2006*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch nội dung** | **Lớp 1** | **Lớp 2** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| **Thủ công, kĩ thuật** | | | | | | |
| Xé, cắt, dán giấy | X |  |  |  |  |
| Gấp, cắt, dán hình | X | X | X |  |  |
| Làm đồ chơi đơn giản |  | X | X |  |  |
| Cắt, dán chữ cái đơn giản |  |  | X |  |  |
| Đan nan |  |  | X |  |  |
| Lắp ghép mô hình kĩ thuật |  |  |  | X | X |
| **Kinh tế gia đình và kĩ thuật phục vụ** | | | | | | |
| May mặc trong gia đình |  |  |  | X | X |
| Thêu, đan len |  |  |  | X | X |
| Nấu ăn |  |  |  |  | X |
| **Trồng trọt** | | | | | | |
| Trồng lúa, cây ăn quả, rau, hoa |  |  |  | X |  |
| Sâu bệnh hại cây trồng |  |  |  | X |  |
| **Chăn nuôi** | | | | | | |
| Thức ăn vật nuôi |  |  |  |  | X |
| Quy trình sản xuất, phòng trị bệnh và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |  |  |  |  | X |

### ***2.1.2. Mạch nội dung môn Công nghệ ở tiểu học trong chương trình 2018***

*Bảng 2. Chương trình môn Công nghệ ở tiểu học trong chương trình 2018*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mạch nội dung** | **Lớp 3** | **Lớp 4** | **Lớp 5** |
| CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG | | | |
| Tự nhiên và công nghệ | X |  |  |
| Hoa và cây cảnh |  | X |  |
| Vai trò của công nghệ |  |  | X |
| Nhà sáng chế |  |  | X |
| Sử dụng đèn học | X |  |  |
| Sử dụng quạt điện | X |  |  |
| Sử dụng máy thu thanh | X |  |  |
| Sử dụng máy thu hình | X |  |  |
| Trồng hoa và cây cảnh trong chậu |  | X |  |
| Sử dụng điện thoại |  |  | X |
| Sử dụng tủ lạnh |  |  | X |
| An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình | X |  |  |
| THIẾT KẾ VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ | | | |
| Làm đồ dùng học tập | X |  |  |
| Làm biển báo giao thông | X |  |  |
| Làm đồ chơi | X |  |  |
| Lắp ghép mô hình kĩ thuật |  | X |  |
| Làm đồ chơi dân gian |  | X |  |
| Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin |  |  | X |
| Lắp ráp mô hình máy phát điện gió |  |  | X |
| Lắp ráp mô hình điện mặt trời |  |  | X |
| Tìm hiểu thiết kế |  |  | X |

### ***2.1.3. So sánh mạch nội dung môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5***

*Bảng 3. So sánh mạch nội dung môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mạch nội dung môn Kĩ thuật 5 trong Chương trình GDPT 2006** | **Mạch nội dung môn Công nghệ 5 trong Chương trình GDPT 2018** |
| 1. Thêu, đan len | 1. Vai trò công nghệ |
| 2. May mặc trong gia đình | 2. Nhà sáng chế |
| 3. Nấu ăn | 3. Tìm hiểu thiết kế |
| 4. Thức ăn vật nuôi | 4. Sử dụng điện thoại |
| 5. Quy trình sản xuất, phòng trị bệnh và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi | 5. Sử dụng tủ lạnh |
| *6. Lắp ghép mô hình kĩ thuật* | *6. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin* |
|  | *7. Lắp ráp mô hình máy phát điện gió* |
|  | *8. Lắp ráp mô hình điện mặt trời* |

Từ 3 bảng mạch nội dung như trên, có thể rút ra một số nhận xét như sau:

1) Chương trình GDPT 2018 có sự kế thừa và phát triển chương trình GDPT 2006. Sự kế thừa chủ yếu nằm ở mạch nội dung về thủ công, kĩ thuật.

2) Chương trình Thủ công, Kĩ thuật đề cập tới nhiều lĩnh vực như kinh tế gia đình, công nghiệp, nông nghiệp, còn chương trình môn Công nghệ thiên về đề cập tới công nghệ nói chung và lĩnh vực công nghiệp, sản phẩm công nghệ trong gia đình.

3) Riêng với môn Công nghệ 5 và môn Kĩ thuật 5 chỉ tương tự nhau ở nội dung về thủ công kĩ thuật (lắp ghép mô hình).

4) Ở môn Công nghệ 5 có một số nội dung mang tính mở đầu cho chương trình môn Công nghệ ở cấp THCS và trung học phổ thông (THPT) là các nội dung: “Vai trò công nghệ”; “Nhà sáng chế” và “Tìm hiểu thiết kế”. Những nội dung này không được đề cập trong chương trình môn Công nghệ 2006.

## **2.2. So sánh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5**

### ***2.2.1. Mục tiêu môn Kĩ thuật 5***

Trong chương trình GDPT 2006, mục tiêu của các chủ đề/nội dung được trình bày dưới dạng “Mức độ cần đạt”, còn trong chương trình GDPT 2018 thì mục tiêu của các chủ đề/nội dung lại được trình bày dưới dạng “Yêu cầu cần đạt”. Từ 2 chương trình trên, có thể thấy mục tiêu (mức độ/yêu cầu cần đạt) của môn Kĩ thuật 5 (Bảng 4) và môn “Công nghệ 5” (Bảng 5) như sau:

*Bảng 4. Nội dung và mức độ cần đạt môn Kĩ thuật 5*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ cần đạt** |
| **1. Khâu, thêu** | ***Kiến thức*:** Biết cách đính khuy, thêu trang trí đơn giản và phối hợp cắt, khâu, thêu.  ***Kĩ năng*:** Làm được một số công việc khâu, thêu trang trí sản phẩm đơn giản.  ***Thái độ*:** Có tính kiên trì, cẩn thận và ý thức tự phục vụ. |
| **2. Nấu ăn** | ***Kiến thức***  - Biết được một số công việc nấu ăn trong gia đình.  - Biết cách sử dụng một số dụng cụ nấu ăn thông thường và thực hiện một số công việc nấu ăn đơn giản trong gia đình.  ***Kĩ năng*:** Làm được một số công việc nấu ăn đơn giản giúp gia đình.  ***Thái độ*:** Tích cực giúp đỡ gia đình trong công việc nấu ăn. |
| **3. Nuôi gà** | ***Kiến thức***  - Biết được lợi ích của việc nuôi gà.  - Biết được một số loại thức ăn cho gà ; cách cho gà ăn, uống ; chăm sóc, vệ sinh phòng dịch.  ***Kĩ năng*:** Phân loại được một số loại thức ăn nuôi gà.  ***Thái độ*:**Có ý thức chăm sóc, bảo vệ vật nuôi và giữ vệ sinh môi trường. |
| **4. Lắp ghép mô hình cơ khí** | ***Kiến thức*:** Biết quy trình lắp ghép một số mô hình cơ khí.  ***Kĩ năng*:** Lắp ghép được một số mô hình cơ khí đúng quy trình, đúng kĩ thuật  ***Thái độ*:** Yêu thích lắp ghép mô hình cơ khí và có ý thức làm theo quy trình. |
| **5. Lắp ghép mô hình điện** | ***Kiến thức:***  - Biết cách sử dụng các dụng cụ, chi tiết trong bộ lắp ghép mô hình điện và quy trình lắp ghép một số mạch điện đơn giản.  - Biết được một số kiến thức về an toàn điện.  ***Kĩ năng*:** Lắp ghép được một số mạch điện đơn giản đúng quy trình, đúng kĩ thuật.  ***Thái độ*:** Có ý thức thực hiện an toàn điện. |

### ***2.2.2. Mục tiêu môn Công nghệ 5***

*Bảng 5. Nội dung và yêu cầu cần đạt môn Công nghệ 5*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG | |
| **Vai trò của công nghệ** | - Trình bày được vai trò của sản phẩm công nghệ trong đời sống.  - Nhận biết được những mặt trái khi sử dụng công nghệ. |
| **Nhà sáng chế** | - Nêu được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.  - Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi bật trong lịch sử loài người.  - Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu.  - Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. |
| **Tìm hiểu thiết kế** | - Nhận thức được muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế; thiết kế là một quá trình sáng tạo.  - Kể được tên các công việc chính khi thiết kế.  - Vẽ phác thảo, nêu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ đơn giản.  - Thiết kế được một sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản theo hướng dẫn. |
| **Sử dụng điện thoại** | - Trình bày được tác dụng của điện thoại; nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại; nhận biết được các biểu tượng thể hiện trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại.  - Ghi nhớ, thực hiện được cuộc gọi tới các số điện thoại của người thân và các số điện thoại khẩn cấp khi cần thiết.  - Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp. |
| **Sử dụng tủ lạnh** | - Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình.  - Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh.  - Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.  - Nhận ra được một số biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong quá trình sử dụng. |
| THỦ CÔNG KĨ THUẬT | |
| **Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin** | - Kể tên, nhận biết được các chi tiết của bộ lắp ghép mô hình xe điện chạy bằng pin.  - Lắp ráp, vận hành được được mô hình xe điện chạy bằng pin. |
| **Lắp ráp mô hình máy phát điện gió** | - Mô tả được cách tạo ra điện từ gió.  - Nhận biết và mô tả được các bộ phận chính của mô hình máy phát điện gió.  - Lắp ráp được mô hình máy phát điện gió.  - Kiểm tra được hoạt động của mô hình với các tốc độ gió khác nhau. |
| **Lắp ráp mô hình điện mặt trời** | - Mô tả được cách tạo ra điện từ ánh sáng mặt trời.  - Nhận biết và mô tả được các bộ phận chính của mô hình điện dùng năng lượng mặt trời.  - Lắp ráp được mô hình điện mặt trời.  - Kiểm tra được hoạt động của mô hình với những độ sáng mặt trời khác nhau. |

### ***2.2.3. So sánh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 và môn Công nghệ 5***

*\* Giống nhau:*

Về mức độ cần đạt của hai chương trình tương đương nhau, chủ yếu ở mức biết được (kiến thức) và làm được (kĩ năng, năng lực).

*\* Khác nhau:*

- Mức độ cần đạt của Kĩ thuật 5 được trình bày theo 3 nhóm mục tiêu: kiến thức, kĩ năng và thái độ. Còn yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 5 trình bày theo diễn đạt mục tiêu năng lực.

- Về mục tiêu kiến thức: Mức độ cần đạt của Kĩ thuật 5 chủ yếu diễn đạt bằng danh từ (biết, hiểu), còn yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 5 được diễn đạt bằng các động từ (nêu, kể tên, trình bày, mô tả…). Cách diễn đạt bằng động từ có ưu điểm là xác định được mục tiêu cụ thể hơn, dễ triển khai thực hiện dạy học và kiểm tra, đánh giá hơn.

- Về mục tiêu kĩ năng, năng lực: Mức độ cần đạt của Kĩ thuật 5 sử dụng động từ chung chung là “làm”, “thực hiện”… Còn yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 5 được diễn đạt bằng các động từ cụ thể, sát thực hơn như là “thiết kế”, “lắp ráp”, “vận hành”, “kiểm tra”, “sử dụng”,… Cách diễn đạt cụ thể, sát thực như vậy có ưu điểm là dễ xác định hơn, dễ triển khai thực hiện dạy học hơn và đánh giá cũng chính xác hơn.

## **2.3. Về đổi mới mục tiêu và diễn đạt mục tiêu trong giáo dục phổ thông**

### ***2.3.1. Mục tiêu và cách diễn đạt mục tiêu trong chương trình GDPT 2006***

Trong chương trình GDPT 2006, mục tiêu giáo dục được sử dụng và diễn đạt theo cách chia của B.S.Bloom. Đó là chia ra 3 loại mục tiêu: kiến thức, kĩ năng và thái độ. Trong mỗi loại lại chia ra một số mức khác nhau từ thấp đến cao.

- Mục tiêu về KIẾN THỨC được chia ra 6 mức: Biết, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Tổng hợp và Đánh giá.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **+ Biết:** Người học chỉ nhận biết và nhớ lại được những thông tin đã được học; chỉ cần nhắc lại các sự kiện, hiện tượng,... mà không cần giải thích.  **+ Hiểu:** Người học nắm được ý nghĩa của tài liệu. Điều đó thông qua các khả năng như: người học có thể chuyển tải tài liệu từ dạng này sang dạng khác, có thể giải thích hoặc tóm tắt tài liệu, có thể diễn giải, mô tả,... được các thông tin đã thu thập được, qua đó thể hiện năng lực hiểu biết của họ.  **+ Vận dụng:** Người học sử dụng các thông tin đã thu được để giải quyết những tình huống khác với tình huống đã biết. |
| **+ Phân tích**: Người học biết tách cái tổng thể thành các bộ phận, thấy được mối quan hệ giữa các bộ phận, biết sử dụng các thông tin để phân tích.  **+ Tổng hợp:** Người học biết kết hợp các bộ phận để tạo thành một tổng thể mới từ tổng thể cũ. Mức này đòi hỏi người học có khả năng phân tích đi đôi với tổng hợp, bắt đầu thể hiện tính sáng tạo của cá nhân.  **+ Đánh giá:** Đòi hỏi người học có những hành động hợp lí về quyết định, so sánh, phê phán, đánh giá hay chọn lọc trên cơ sở các tiêu chí; có khả năng tổng hợp để đánh giá. | |

- Mục tiêu về KĨ NĂNG có thể được chia ra 5 mức: Bắt chước, Làm được, Làm thành thạo, Kĩ xảo và Sáng tạo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **+ Bắt chư­ớc đư­ợc:** Quan sát và làm theo đư­ợc.  **+ Làm đư­ợc** (bư­ớc đầu hình thành kĩ năng): Tự hoàn thành đư­ợc công việc với sai sót nhỏ.  + **Làm đ­ược chính xác** (có kĩ năng): Hoàn thành đ­ược công việc đạt chuẩn qui định.  + **Làm đư­ợc thuần thục** (có kĩ xảo): Hoàn thành công việc đạt chuẩn, thuần thục.  + **Biến hóa đư­ợc** (có sáng tạo): Hoàn thành công việc vư­ợt chuẩn, có cải tiến. |

- Mục tiêu về THÁI ĐỘ cũng có thể được chia ra các mức như: Chấp nhận, Hưởng ứng, Đánh giá, Cam kết thực hiện, Thành thói quen của bản thân.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **+ Chấp nhận:** Thừa nhận một cách thụ động như­ng không phản kháng, chống đối.  **+ H­ưởng ứng:** Thừa nhận một cách tích cực, có quan tâm đến vấn đề.  **+ Đánh giá:** Đã nhập cuộc, có nhận xét về vấn đề đư­ợc đặt ra.  **+ Cam kết thực hiện:** Thực hiện một cách chủ động, tự nguyện.  **+ Thành thói quen:** Đã trở thành tác phong, lối sống của bản thân. |

Về diễn đạt, như đã nêu trên, việc diễn đạt mục tiêu kiến thức, kĩ năng chủ yếu dùng danh từ.

### ***2.3.2. Mục tiêu và cách diễn đạt mục tiêu trong chương trình GDPT 2018***

Thực hiện quan điểm đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, mục tiêu giáo dục của chương trình GDPT 2018 là phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Cách chia năng lực và phẩm chất chủ yếu chia ra các loại, các thành tố của năng lực, của phẩm chất chứ không chia theo mức độ như cách chia mục tiêu của Bloom. Về mức độ, hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể nhưng chủ yếu vận dụng theo cách chia mục tiêu của A.J.Nitko, đó là chia ra ba mức: Biết, Hiểu, Vận dụng. Trong mức Vận dụng lại có thể chia ra 2 mức: “Vận dụng” hoặc “Vận dụng thấp” (vận dụng vào tình huống, điều kiện tương tự) và “Vận dụng cao” (vận dụng vào tình huống mới, điều kiện mới). Như vậy cũng có thể coi cách chia mục tiêu theo A.J.Nitko là chia ra 4 mức: Biết, Hiểu, Vận dụng và Vận dụng cao. Có thể xem mô tả các mức của mục tiêu trong bảng 6.

*Bảng 6. Mô tả mức độ trong mục tiêu theo A.J.Nitko*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cấp độ mục tiêu** | **Mô tả cấp độ nhận thức** |
| **Nhớ/Biết** | Học sinh nhớ được những khái niệm cơ bản của chủ đề và có thể nêu hoặc nhận ra các khái niệm khi được yêu cầu. |
| **Hiểu** | Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể sử dụng khi câu hỏi được đặt ra gần với các ví dụ học sinh đã được học trên lớp. |
| **Vận dụng** | Học sinh vượt qua cấp độ hiểu đơn thuần và có thể sử dụng các khái niệm của chủ đề trong các tình huống tương tự nhưng không hoàn toàn giống như tình huống đã gặp trên lớp. |
| **Vận dụng**  **Cao** | Học sinh có khả năng sử dụng các khái niệm cơ bản để giải quyết một vấn đề mới hoặc không quen thuộc chưa từng được học hoặc trải nghiệm trước đây, nhưng có thể giải quyết bằng các kĩ năng và kiến thức đã được dạy ở mức độ tương đương. Các vấn đề này tương tự các tình huống thực tế học sinh sẽ gặp ngoài môi trường lớp học. |

*Bảng 7 Cách diễn đạt mục tiêu năng lực theo A.J.Nitko*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu kiến thức, kĩ năng** | **Mục tiêu năng lực** |
| **Biết** | Kể, Nêu, Liệt kê, Trình bày, Mô tả, Phân biệt,… |
| **Hiểu** | Giải thích, Diễn giải, Lí giải, So sánh, Sắp xếp, Tóm tắt, Khái quát, Lập luận… |
| **Vận dụng** | Thực hiện (tháo, lắp, vẽ, lập, mắc,…), Giải quyết, Biện luận, Chứng minh,… trong điều kiện, tình huống quen thuộc. |
| **Vận dụng cao** | Thực hiện (tháo, lắp, vẽ, lập, mắc,…), Giải quyết,… trong điều kiện, tình huống mới. |

Thời gian gần đây, GDPT đã triển khai áp dụng thang đo của A.J.Nitko và đã đưa ra bảng kê các thuật ngữ thường được sử dụng để mô tả các mức mục tiêu như trong bảng 7. Các thuật ngữ mô tả mức mục tiêu trong bảng này tương tự như cách mô tả yêu cầu cần đạt trong chương trình GDPT 2018. Như vậy, có thể coi cách diễn đạt này như là diễn đạt mục tiêu năng lực.

## **2.4. Quan điểm chỉ đạo của Bộ GDĐT về điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá**

Ngay từ khi bắt đầu triển khai xây dựng chương trình GDPT mới, Bộ GDĐT đã có những chỉ đạo chuyển phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá từ theo chuẩn kiến thức kĩ năng sang theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh. Có thể kể đến một số văn bản chỉ đạo của Bộ GDĐT về việc điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá của giáo dục tiểu học nói chung và môn Thủ công, Kĩ thuật nói riêng như:

- Ngày 10/9/2009, Bộ GDĐT đã có Công văn số 7975/BGDĐT-GDTH về việc Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kĩ thuật Tiểu học.

- Ngày 28/8/2014, Bộ GDĐT đã có Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, ban hành quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

- Ngày 22/9/2016, Bộ GDĐT ban hành Thông tư số: 22/2016/TT-BGDĐT về sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT.

- Ngày 16/4/2020, Bộ GDĐT ban hành Công văn số: 1315/BGDĐT-GDTH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình GDPT cấp tiểu học để chuẩn bị thực hiện chương trình GDPT 2018.

- Ngày 04/9/2020, Bộ GDĐT ban hành Thông tư số: 27/2020/TT-BGDĐT về quy định đánh giá học sinh tiểu học khi thực hiện chương trình GDPT 2018. Theo đó, việc đánh giá học sinh tiểu học bao gồm đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

- Ngày 04/9/2020, Bộ GDĐT ra Thông tư số: 28/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ Trường tiểu học.

Các văn bản nêu trên đã nêu rõ quan điểm đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông nói chung, giáo dục tiểu học nói riêng theo hướng cơ bản, hiện đại, phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Quan điểm này cũng được thể hiện rõ trong chương trình GDPT 2018.

Đặc biệt, trong Công văn số: 1315/BGDĐT-GDTH và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT đã có những chỉ đạo cụ thể về sinh hoạt chuyên môn và quy định đánh giá học sinh tiểu học khi thực hiện chương trình GDPT 2018.

Theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, có hiệu lực từ ngày 20/10/2020, việc đổi mới đánh giá học sinh tiểu học sẽ được áp dụng theo lộ trình sau:

- Từ năm học 2020 - 2021 với học sinh lớp 1;

- Từ năm học 2021 - 2022 với học sinh lớp 2;

- Từ năm học 2022 - 2023 với học sinh lớp 3;

- Từ năm học 2023 - 2024 với học sinh lớp 4;

- Từ năm học 2024 - 2025 với học sinh lớp 5.

Tuy nhiên, theo kế hoạch triển khai chương trình GDPT 2018, từ năm học 2021 – 2022, lớp 6 ở cấp THCS bắt đầu thực hiện chương trình mới. Để đảm bảo sự chuyển tiếp từ học ở tiểu học theo chương trình GDPT 2006 sang học ở THCS theo chương trình GDPT 2018 được thuận lợi, ngay từ năm học 2020 – 2021 này, học sinh lớp 5 cần được tiếp cận với nội dung mới, phương pháp dạy học mới và cách đánh giá mới của chương trình GDPT 2018.

## **2.5. Năng lực công nghệ trong chương trình GDPT 2018**

### ***2.5.1. Năng lực công nghệ***

Năng lực công nghệ bao gồm 5 thành tố sau:

*a) Nhận thức công nghệ*: là năng lực làm chủ kiến thức phổ thông cốt lõi về công nghệ trên các phương diện bản chất của công nghệ; mối quan hệ giữa công nghệ, con người, xã hội; một số công nghệ phổ biến, các quá trình sản xuất chủ yếu có ảnh hưởng và tác động lớn tới kinh tế, xã hội trong hiện tại và tương lai; phát triển và đổi mới công nghệ; nghề nghiệp và định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ chủ yếu ở Việt Nam.

*b) Giao tiếp công nghệ*: là năng lực lập, đọc, trao đổi tài liệu kĩ thuật về các sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ trong sử dụng, đánh giá công nghệ và thiết kế kĩ thuật.

*c) Sử dụng công nghệ*: là năng lực khai thác sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ đúng chức năng, đúng kĩ thuật, an toàn và hiệu quả; tạo ra sản phẩm công nghệ.

*d) Đánh giá công nghệ*: là năng lực đưa ra những nhận định về một sản phẩm, quá trình, dịch vụ công nghệ với góc nhìn đa chiều về vai trò, chức năng, chất lượng, kinh tế – tài chính, tác động môi trường và những mặt trái của kĩ thuật, công nghệ.

*e) Thiết kế kĩ thuật*: là năng lực phát hiện nhu cầu, vấn đề cần giải quyết, cần đổi mới trong thực tiễn; đề xuất giải pháp kĩ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu, giải quyết vấn đề đặt ra; hiện thực hoá giải pháp kĩ thuật, công nghệ; thử nghiệm và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu, vấn đề đặt ra. Quá trình trên được thực hiện trên cơ sở xem xét đầy đủ các khía cạnh về tài nguyên, môi trường, kinh tế và nhân văn.

### ***2.5.2. Mục tiêu về năng lực công nghệ cấp tiểu học***

Mục tiêu phần Công nghệ cấp tiểu học được gọi là “Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù” ở cấp tiểu học. Theo chương trình môn Công nghệ 2018 thì năng lực đặc thù của môn Công nghệ nói chung hay của phần Công nghệ ở tiểu học nói riêng là năng lực công nghệ. Năng lực công nghệ có cấu trúc gồm 5 thành tố: nhận thức công nghệ, giao tiếp công nghệ, sử dụng công nghệ, đánh giá công nghệ và thiết kế kĩ thuật. Yêu cầu cần đạt về năng lực công nghệ ở cấp tiểu học theo 5 thành tố cụ thể như sau (các thành tố được kí hiệu lần lượt là a, b, c, d, e; mỗi tiêu chí có 2 chữ số, chữ số thứ nhất chỉ cấp học (tiểu học số 1, THCS số 2 và THPT số 3), chữ số thứ hai chỉ số thứ tự của tiêu chí trong thành tố đó):

*\* Nhận thức công nghệ [a]*

- [a1.1]: Nhận ra được sự khác biệt của môi trường tự nhiên và môi trường sống do con người tạo ra.

- [a1.2]: Nêu được vai trò của các sản phẩm công nghệ trong đời sống gia đình, nhà trường.

- [a1.3]: Kể được về một số nhà sáng chế tiêu biểu cùng các sản phẩm sáng chế nổi tiếng có tác động lớn tới cuộc sống của con người.

- [a1.4]: Nhận biết được sở thích, khả năng của bản thân đối với các hoạt động kĩ thuật, công nghệ đơn giản.

- [a1.5]: Trình bày được quy trình làm một số sản phẩm thủ công kĩ thuật đơn giản.

*\* Giao tiếp công nghệ [b]*

- [b1.1]: Nói, vẽ hay viết để mô tả những thiết bị, sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.

- [b1.2]: Phác thảo bằng hình vẽ cho người khác hiểu được ý tưởng thiết kế một sản phẩm công nghệ đơn giản.

*\* Sử dụng công nghệ [c]*

- [c1.1]: Thực hiện được một số thao tác kĩ thuật đơn giản với các dụng cụ kĩ thuật.

- [c1.2]: Sử dụng được một số sản phẩm công nghệ phổ biến trong gia đình.

- [c1.3]: Nhận biết và phòng tránh được những tình huống nguy hiểm trong môi trường công nghệ ở gia đình.

- [c1.4]: Thực hiện được một số công việc chăm sóc hoa và cây cảnh trong gia đình.

*\* Đánh giá công nghệ [d]*

- [d1.1]: Đưa ra được lí do thích hay không thích một sản phẩm công nghệ.

- [d1.2]: Bước đầu so sánh và nhận xét được về các sản phẩm công nghệ cùng chức năng.

*\* Thiết kế kĩ thuật [e]*

- [e1.1]: Nhận thức được: muốn tạo ra sản phẩm công nghệ cần phải thiết kế; thiết kế là quá trình sáng tạo.

- [e1.2]: Kể tên được các công việc chính khi thiết kế.

- [e1.3]: Nêu được ý tưởng và làm được một số đồ vật đơn giản từ những vật liệu thông dụng theo gợi ý, hướng dẫn.

## **2.6. Sự phát triển của khoa học, công nghệ**

Khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ đã đặt ra yêu cầu và có tác động lớn đến mọi mặt từ khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh tế, văn hóa đến đời sống xã hội. Điều đó khiến nội dung giáo dục cần có sự thay đổi cho phù hợp. Một số nội dung dạy học lạc hậu, không còn phù hợp cần được thay thế bằng những nội dung mới hiện đại, phù hợp hơn. Đây là một trong những cơ sở quan trọng để điều chỉnh nội dung dạy học, nhất là đối với các nội dung dạy học về khoa học, công nghệ, kĩ thuật.

III. ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH MỤC TIÊU, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC MÔN KĨ THUẬT 5

## **3.1. Đề xuất điều chỉnh mục tiêu môn Kĩ thuật 5**

Căn cứ vào mục tiêu năng lực và phẩm chất, trong đó có năng lực chung và năng lực công nghệ (năng lực đặc thù của môn Công nghệ); căn cứ vào yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 5 (Chương trình 2018) và mức độ cần đạt của môn Kĩ thuật 5 (Chương trình 2006); căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất nhà trường, với những cơ sở khoa học để điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học nêu trên, có thể điều chỉnh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 theo hướng tiếp cận chương trình GDPT 2018 như sau:

Trên cơ sở bảng 4 và bảng 5, xét dưới góc độ điều chỉnh để học sinh thích ứng với chương trình THCS mới, có thể điều chỉnh mục tiêu môn Kĩ thuật 5 theo hướng: Với chương trình Kĩ thuật 5, bỏ nội dung và mức độ cần đạt về “Khâu, thêu”, “Nuôi gà” và “Lắp ghép mô hình điện”. Với chương trình phần Công nghệ 5 có thể chọn một số nội dung và yêu cầu cần đạt về: “Nhà sáng chế”, “Sử dụng điện thoại” và “Sử dụng tủ lạnh”.

Như vậy, có thể điều chỉnh mục tiêu (yêu cầu cần đạt) môn Kĩ thuật 5 theo hướng tiếp cận với môn Công nghệ 5 như sau (bảng 8):

*Bảng 8. Mục tiêu (yêu cầu cần đạt) môn Kĩ thuật 5 sau điều chỉnh*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **1. Nấu ăn** | - Nêu được một số công việc nấu ăn trong gia đình.  - Nêu được cách sử dụng một số dụng cụ nấu ăn thông thường và thực hiện một số công việc nấu ăn đơn giản trong gia đình.  ***-*** Làm được một số công việc nấu ăn đơn giản giúp gia đình.  ***-***Tích cực giúp đỡ gia đình trong công việc nấu ăn. |
| **2. Nhà sáng chế** | - Nêu được vai trò của sáng chế trong đời sống và sự phát triển của công nghệ.  - Tóm tắt được thông tin về một số nhà sáng chế nổi tiếng  - Nêu được lịch sử sáng chế ra sản phẩm công nghệ tiêu biểu  - Nêu được một số đức tính cần có để trở thành nhà sáng chế. |
| **3. Sử dụng điện thoại** | - Trình bày được tác dụng của điện thoại; nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại; nhận biết được các biểu tượng thể hiện trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại.  - Ghi nhớ, thực hiện được cuộc gọi tới các số điện thoại của người thân và các số điện thoại khẩn cấp khi cần thiết.  - Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp. |
| **4. Sử dụng tủ lạnh** | - Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình.  - Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh.  - Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.  - Nhận ra được một số biểu hiện bất thường của tủ lạnh trong quá trình sử dụng. |
| **5. Lắp ghép mô hình cơ khí** | ***-*** Nêu được quy trình lắp ghép một số mô hình cơ khí.  ***-*** Lắp ghép được một số mô hình cơ khí đúng quy trình, đúng kĩ thuật  ***-*** Yêu thích lắp ghép mô hình cơ khí và có ý thức làm theo quy trình. |

## **3.2. Đề xuất điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5**

### ***3.2.1. Cơ sở điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5***

- Chương trình môn Kĩ thuật 5 trong chương trình GDPT 2006.

- Công văn 7975/BGDĐT-GDTH về việc Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kĩ thuật Tiểu học, ban hành ngày ngày 10 tháng 9 năm 2009.

- Chương trình phần Công nghệ cấp tiểu học và môn Công nghệ cấp THCS trong chương trình GDPT 2018

- Công văn 1125/BGDĐT-GDTH về việc Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học học kì II năm học 2019-2020, ban hành ngày ngày 31 tháng 3 năm 2020.

- Mục tiêu môn Kĩ thuật 5 sau khi đã điều chỉnh (Bảng 8).

Theo chương trình GDPT 2018, nội dung và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6 như sau (Bảng 9):

*Bảng 9. Nội dung và yêu cầu cần đạt của môn Công nghệ 6*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** |
| Nhà ở | - Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  - Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.  - Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  - Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. |
| Bảo quản và chế biến thực phẩm | - Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người.  - Nêu được vai trò và ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.  - Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến.  - Lựa chọn và chế biến được một món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt.  - Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh.  - Tính toán được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình. |
| Trang phục và thời trang | - Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống; các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.  - Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra xu hướng thời trang của bản thân.  - Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.  - Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng. |
| Đồ dùng điện trong gia đình | - Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của đồ dùng loại điện nhiệt, điện quang, điện cơ (nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...).  - Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn.  - Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình. |

### ***3.2.2. Điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5***

Với những cơ sở và lập luận như trên, có thể đề xuất điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5 như sau (Bảng 10):

*Bảng 10. Điều chỉnh nội dung môn Kĩ thuật 5*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình 2006** | | **Chương trình điều chỉnh** | |
| **Tên bài** | **Số tiết** | **Tên bài** | **Số tiết** |
| 1 | Đính khuy hai lỗ | 2 | Đính khuy hai lỗ | 2 |
| 2 | Thêu dấu nhân | 2 | Thêu dấu nhân | 2 |
| 3 | Một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống trong gia đình | 1 | Một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống trong gia đình | 1 |
| 4 | Chuẩn bị nấu ăn | 1 | Chuẩn bị nấu ăn | 1 |
| 5 | Nấu cơm | 2 | Nấu cơm | 2 |
| 6 | Luộc rau | 1 | Luộc rau | 1 |
| 7 | Bày dọn bữa ăn trong gia đình | 1 | Bày dọn bữa ăn trong gia đình | 1 |
| 8 | Rửa dụng cụ nấu ăn và ăn uống | 1 | Rửa dụng cụ nấu ăn và ăn uống | 1 |
| 9 | Cắt, khâu, thêu hoặc nấu ăn tự chọn | 3 | Nấu ăn tự chọn | 3 |
| 10 | Lợi ích của việc nuôi gà | 1 | Tích hợp thành chủ đề “Kỹ thuật nuôi gà”, nên tập trung vào Nuôi dưỡng, Chăm sóc và Vệ sinh phòng bệnh cho gà | 3 |
| 11 | Một số giống gà được nuôi nhiều ở nước ta | 1 |
| 12 | Thức ăn nuôi gà | 2 |
| 13 | Nuôi dưỡng gà | 1 |
| 14 | Chăm sóc gà | 1 |
| 15 | Vệ sinh phòng bệnh cho gà | 1 |
| 16 | Lắp xe cần cẩu | 2 | Lắp xe cần cẩu | 2 |
| 17 | Lắp xe ben | 3 | Lắp xe ben | 3 |
| 18 | Lắp máy bay trực thăng | 3 | Lắp máy bay trực thăng | 3 |
| 19 | Lắp rô bốt | 3 | Lắp rô bốt | 3 |
| 20 | Lắp ghép mô hình tự chọn | 3 | Lắp ghép mô hình tự chọn | 3 |
| 21 |  |  | Sử dụng điện thoại | 2 |
| 22 |  |  | Sử dụng tủ lạnh | 2 |
|  | **Tổng số tiết** | **35** | **Tổng số tiết** | **35** |

Như vậy, để tiếp cận với chương trình mới, chương trình môn Kĩ thuật 5 sẽ điều chỉnh một số nội dung là:

- Lược bỏ một số nội dung về nuôi gà. Tích hợp thành chủ đề “Kỹ thuât nuôi gà” với thời lượng 2 tiết và tập trung vào nội dung Nuôi dưỡng, Chăm sóc và Vệ sinh phòng bệnh cho gà.

- Bổ sung những nội dung vừa hiện đại vừa chính là nội dung của môn Công nghệ 5 (Chương trình 2018) mà tới đây giáo viên tiểu học sẽ phải giảng dạy và học sinh tiểu học sẽ phải học. Đó là một số nội dung như: “Sử dụng điện thoại” và “Sử dụng tủ lạnh”. Những nội dung này có thuận lợi trong việc tăng hứng thú học tập cho học sinh.

Từ đó, ta có thể lập được bảng nội dung môn Kĩ thuật 5 (Chương trình 2006) sau khi đã điều chỉnh như sau (Bảng 11):

*Bảng 11. Nội dung môn Kĩ thuật 5 sau khi đã điều chỉnh.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài** | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| 1 | Đính khuy hai lỗ | 2 |  |
| 2 | Thêu dấu nhân | 2 |  |
| 3 | Một số dụng cụ nấu ăn và ăn uống trong gia đình | 1 |  |
| 4 | Chuẩn bị nấu ăn | 1 |  |
| 5 | Nấu cơm | 2 |  |
| 6 | Luộc rau | 1 |  |
| 7 | Bày dọn bữa ăn trong gia đình | 1 |  |
| 8 | Rửa dụng cụ nấu ăn và ăn uống | 1 |  |
| 9 | Nấu ăn tự chọn | 3 |  |
| 10 | “Kỹ thuật nuôi gà” (nên tập trung vào một số nội dung như Nuôi dưỡng, Chăm sóc và Vệ sinh phòng bệnh cho gà) | 3 | Chủ đề tích hợp |
| 11 | Lắp xe cần cẩu | 2 |  |
| 12 | Lắp xe ben | 3 |  |
| 13 | Lắp máy bay trực thăng | 3 |  |
| 14 | Lắp rô bốt | 3 |  |
| 15 | Lắp ghép mô hình tự chọn | 3 |  |
| 16 | Sử dụng điện thoại | 2 | Bài mới |
| 17 | Sử dụng tủ lạnh | 2 | Bài mới |

**Lưu ý:**

- Riêng với năm học 2020-2021, do học kì I đã thực hiện xong nên nếu các nội dung về khâu, thêu và một phần nuôi gà đã thực hiện rồi thì phần nội dung còn lại của nuôi gà (Chăm sóc gà -1 tiết, Vệ sinh phòng bệnh cho gà -1 tiết) hướng dẫn học sinh tự tìm hiểu để dành thời lượng thực hiện một trong hai bài mới (Sử dụng tủ lạnh và Sử dụng điện thoại).

- Nội dung hai bài mới (Sử dụng tủ lạnh và Sử dụng điện thoại) có tính độc lập nên thời điểm dạy tùy thuộc vào kế hoạch dạy học của giáo viên.

**-** Số tiết của những nội dung mới nêu trên có thể không hoàn toàn tương ứng với số tiết dự kiến của nội dung đó trong chương trình GDPT 2018. Vì vậy, khi xác định mục tiêu (yêu cầu cần đạt) của các nội dung này không bắt buộc phải đúng theo yêu cầu cần đạt của chương trình GDPT 2018.

## **3.3. Đề xuất điều chỉnh phương pháp dạy học**

### ***3.3.1. Xây dựng kế hoạch bài học dưới dạng các hoạt động***

Để tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh, kế hoạch dạy học chủ đề/bài học cần được xây dựng dưới dạng tổ chức các hoạt động học của học sinh. Có thể tham khảo cách tổ chức hoạt động học theo các hoạt động cơ bản sau:

***\* Hoạt động khởi động*:** Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

***\* Hoạt động hình thành kiến thức*:** Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kĩ năng mới và đưa các kiến thức, kĩ năng mới vào hệ thống kiến thức, kĩ năng của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức cũ và kiến thức mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/ khái niệm/ công thức mới,…

***\* Hoạt động luyện tập/thực hành*:** Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng những kiến thức vừa học để giải quyết những nhiệm vụ cụ thể. Qua đó củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được, đồng thời, giáo viên xem học sinh đã nắm được kiến thức hay chưa, ở mức độ nào. Phương thức hoạt động là học sinh hoạt động cá nhân hoặc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, bài tập, bài thực hành… Kết thúc hoạt động, học sinh báo cáo, giáo viên nhận xét, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh v.v...

Lưu ý:

- Nếu bài học lí thuyết thì câu hỏi, bài tập có vai trò củng cố, khắc sâu, làm rõ kiến thức lí thuyết (trình bày, giải thích, ví dụ minh họa...); rèn luyện kĩ năng vận dụng công thức, quy tắc, quy trình để giải quyết nhiệm vụ cụ thể.

- Nếu bài học thực hành thì hoạt động này tương tự giai đoạn hướng dẫn thường xuyên.

***\* Hoạt động vận dụng*:** Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống hoặc vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần giúp học sinh gần gũi với gia đình, địa phương, tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

Hoạt động vận dụng có thể không thực hiện tại lớp nên giáo viên cần có hướng dẫn cụ thể như: chuyển giao nhiệm vụ, hướng dẫn cách thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Giáo viên lưu ý không giao cho học sinh thực hiện những công việc không đảm bảo an toàn cho học sinh.

### ***3.3.2. Tăng cường áp dụng kĩ thuật dạy học theo nhóm***

Với mục tiêu phát triển năng lực cá nhân mỗi học sinh, đồng thời góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác của các em, giáo viên nên tăng cường hình thức tổ chức dạy học theo nhóm, sử dụng các kĩ thuật dạy học theo nhóm một cách phù hợp (khăn trải bàn, những mảnh ghép). Khi tổ chức dạy học theo nhóm, có thể khai thác các hình thức hoạt động của học sinh như sau:

***\* Hoạt động cá nhân*:** Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kĩ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

***\* Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm*:** Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/ nhiệm vụ cần sự chia sẻ như kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

***\* Hoạt động chung cả lớp*:** Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống như: giáo viên hướng dẫn chung, nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp,...

***\* Hoạt động với cộng đồng*:** Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương,...

### ***3.3.3. Tăng cường gắn bài học với thực tiễn, chú trọng dạy học thực hành***

Năng lực chỉ hình thành và phát triển thông qua hoạt động và bằng chính hoạt động của chủ thể; có năng lực có nghĩa là “làm được”. Vì vậy, với mục tiêu phát triển năng lực công nghệ, trong dạy học cần tăng cường gắn bài học với thực tiễn, tăng cường dạy học thực hành.

- Đặc điểm đặc thù của nội dung kiến thức môn Công nghệ là tính thực tiễn khá rõ rệt. Các sản phẩm công nghệ như dụng cụ nấu ăn, máy thu thanh, điện thoại, tủ lạnh, đèn điện… đều là những vật dụng quen thuộc đối với học sinh trong đời sống. Trong các hoạt động học kể trên có hoạt động “Vận dụng”. Chính vì thế, trong dạy học Công nghệ nói chung hay trong dạy học Kĩ thuật 5 nói riêng, giáo viên cần chú trọng tới việc gắn bài học với thực tiễn. Điều đó mang lại tác dụng kép là vừa tạo hứng thú cho học sinh, giúp các em thấy được ý nghĩa của việc học tập, vừa giúp các em hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng và đánh giá công nghệ v.v…

- Thông thường, chúng ta coi trọng giờ lí thuyết hơn là giờ thực hành. Và đôi khi vì lí do nào đó mà giáo viên giao nhiệm vụ thực hành cho học sinh làm ở nhà, buổi sau mang sản phẩm đến nộp. Điều đó không sai nhưng có hạn chế là giáo viên không giám sát được học sinh thực hiện có đúng quy trình hay không, thao tác kĩ thuật có đúng hay không, thậm chí có phải do chính bản thân các em làm ra hay không. Sản phẩm không phải là mục đích dạy học duy nhất mà đôi khi thao tác để làm ra sản phẩm đó quan trọng hơn. Vì vậy, để hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, giáo viên cần chú trọng các giờ thực hành trên lớp, chú ý đến việc thực hiện theo quy trình, chú ý đến các thao tác của học sinh và cả tới ý thức đảm bảo an toàn lao động, tính kỉ luật, tinh thần tương trợ lẫn nhau,… của học sinh.

### ***3.3.4. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học có ảnh hưởng lớn tới hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học và tới quá trình hình thành, phát triển năng lực của học sinh. Mặt khác, đặc điểm đặc thù của môn Công nghệ nói chung, Kĩ thuật 5 nói riêng đòi hỏi phải có điều kiện nhất định về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Vì vậy, cùng với đổi mới phương pháp dạy học, giáo viên cần chú trọng tới khâu này. Trong điều kiện còn khó khăn, hạn chế về kinh phí của nhà trường, một trong những giải pháp hữu hiệu là giáo viên chú trọng tới việc tự chế đồ dùng dạy học. Giáo viên có thể tự thiết kế, chế tạo hoặc huy động tiềm năng của địa phương, của phụ huynh học sinh. Tất nhiên, khi thực hiện biện pháp này cần lưu ý tránh sự lạm dụng, ép buộc đối với cộng đồng.

### ***3.3.5. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn***

Ngoài thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn theo quy định hiện hành, cần tích cực nghiên cứu và triển khai đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo tinh thần Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện chương trình GDPT cấp tiểu học của Bộ GDĐT, ban hành ngày 16/4/2020.

## **3.4. Đề xuất điều chỉnh kiểm tra, đánh giá**

Về đánh giá học sinh tiểu học, ngay từ năm 2014 và 2016, Bộ GDĐT đã có Thông tư 30 và Thông tư 22 quy định về hình thức, phương pháp đánh giá học sinh tiểu học. Tinh thần của các Thông tư này vẫn phù hợp và hữu hiệu khi thực hiện chương trình GDPT 2018, đó là đánh giá năng lực và phẩm chất học sinh, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh.

Bên cạnh đó, ngày 04/9/2020, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT về quy định đánh giá học sinh tiểu học khi thực hiện chương trình GDPT 2018. Vì vậy, nhà trường, tổ/nhóm chuyên môn và mỗi giáo viên cần tích cực nghiên cứu và triển khai thực hiện.

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh trong dạy học môn Kĩ thuật 5 về cơ bản vẫn theo hướng dẫn trong ba Thông tư nói trên và giáo viên cần chú trọng một số điểm sau;

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kĩ năng cần thiết...

- Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh: Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

- Khuyến khích và hướng dẫn học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn. Khi tổ chức học sinh thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng, giáo viên cần lưu ý giúp học sinh mấy điểm sau:

+ Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

+ Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

- Khuyến khích và hướng dẫn cha mẹ học sinh tham gia đánh giá. Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh. Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh được tốt hơn.

- Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

- Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lí, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lí học sinh.

IV. XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC

Như đề xuất điều chỉnh nội dung trong mục 3.3.2, mà cụ thể là trong bảng 11, để giúp học sinh học chương trình tiểu học hiện hành thuận lợi khi học theo chương trình GDPT 2018 ở cấp THCS, trong chương trình môn Kĩ thuật 5 sẽ có một số chủ đề mới. Trong bối cảnh hiện nay chưa có sách giáo khoa môn Công nghệ 5, nhà trường có thể chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn xây dựng nội dung chủ đề/bài học và xây dựng kế hoạch dạy học những chủ đề/bài học đó. Khi xây dựng cần căn cứ vào Chương trình môn Công nghệ 2018 và điều kiện thực hiện của nhà trường.

Để giúp giáo viên thuận lợi hơn trong việc xây dựng chủ đề/bài học và xây dựng kế hoạch dạy học chủ đề/bài học về những nội dung mới, mục này xin giới thiệu kế hoạch dạy học một số bài học thuộc những nội dung mới được nêu trong bảng 11. (Tên bài học là tên nội dung trong bảng 11 và số thứ tự của các bài mới này cũng được đặt theo số thứ tự trong bảng 11. Khi sử dụng trong thực tiễn, tùy theo sự điều chỉnh nội dung cụ thể hoặc kế hoạch giáo dục mà mỗi trường có thể xếp lại số thứ tự của các bài trong chương trình).

## **4.1. Bài “Sử dụng điện thoại”**

Bài “Sử dụng điện thoại” thuộc nội dung “Sử dụng điện thoại” thuộc chương trình phần Công nghệ 5 trong chương trình GDPT 2018 và ở đây được thực hiện trong 2 tiết trên lớp. Số thứ tự của bài “Sử dụng điện thoại” trong bảng 11 là 16 nên ở đây đặt bài này là bài 16.

**Bài 16. SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI**

**(2 tiết)**

\*YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được tác dụng của điện thoại; nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại; nhận biết được các biểu tượng thể hiện trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại.

- Ghi nhớ được các số điện thoại của người thân và các số điện thoại khẩn cấp khi cần thiết.

- Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*\* Phẩm chất:*

**- Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được về điện thoại để sử dụng trong đời sống hằng ngày.

*\* Năng lực chung:*

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Nhận ra được ý nghĩa của giao tiếp qua điện thoại trong việc đáp ứng các nhu cầu trao đổi thông tin liên lạc của bản thân.

*\* Năng lực công nghệ:*

**-** Trình bày được tác dụng của điện thoại;

- Nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại;

- Nhận biết được những biểu tượng thể hiện trạng trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại

**-** Ghi nhớ được số điện thoại của người thân trong gia đình và những số điện thoại khẩn cấp;

- Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp.

II. CHUẨN BỊ BÀI HỌC

**1. Giáo viên**

- Nghiên cứu yêu cầu cần đạt, lựa chọn nội dung dạy học.

- Chuẩn bị phiếu học tập, thiết bị dạy học phù hợp với các hoạt động của bài học như một số tình huống giao tiếp trong điện thoại, thẻ quy trình gọi điện thoại, tranh ảnh, hình vẽ các loại điện thoại thông dụng. Clip tình huống sử dụng điện thoại; 02 điện thoại (di động, cố định) hoặc mô hình điện thoại.

- GV cũng chuẩn bị danh mục số điện thoại của cha, mẹ học sinh.

**2. Học sinh**

Thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu mà GV giao cho từ cuối giờ học trước: quan sát điện thoại cố định ở gia đình, điện thoại di động của người thân (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị,…) để tìm hiểu trước về một sô tính năng của điện thoại.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động tạo tâm thế tìm hiểu cách sử dụng điện thoại**

***- Mục tiêu:***Tạo tâm thế học tập, kích thích sự tò mò tìm hiểu kĩ hơn về các tính năng, công dụng và cách sử dụng điện thoại hiệu quả, an toàn.

***- Nội dung:*** Nhận biết và xử lý một số tình huống sử dụng điện thoại trong gia đình.

***- Sản phẩm:***Ý tưởng, giải pháp của học sinh cho tình huống.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV nêu tình huống về nhu cầu, cách thức liên lạc trong cuộc sống để HS phát biểu về các cách liên lạc và hiệu quả của từng cách.  (có thể nêu tình huống, hoặc sử dụng biện pháp kể chuyện thông qua hình, clip…).  *Bố Minh công tác xa nhà, phải mấy tháng bố mới về một lần. Tối nay Minh rất nhớ Bố và muốn khoe với về việc tốt chiều nay Minh đã làm khi nhặt được chiếc ví đánh rơi và trả lại cho người bị mất. Theo em có cách nào để Minh có thể kể với Bố về việc làm tốt đó?*  GV gợi ý để HS có thể đưa ra rất nhiều ý tưởng, cách thức để Minh liên lạc với Bố, tuy nhiên cách mà hiệu quả và nhanh nhất hiện nay đó chính là sử dụng điện thoại để liên lạc (gọi điện bình thường, gọi hình ảnh…)  GV?: *Em có biết các tính năng của điện thoại, cách sử dụng nó như thế nào cho hiệu quả?*  GV dẫn dắt học sinh sẽ cùng tìm hiểu về chủ đề “**Sử dụng điện thoại**” | HS quan sát, lắng nghe tình huống, vận dụng hiểu biết bản thân để đưa ra các giải pháo cho tình huống mà GV nêu.  HS đưa ra các cách liên lạc có thể thực hiện được và tìm ra được cách hiệu quả nhất đó là sử dụng điện thoại.  HS suy nghĩ về điện thoại.  HS có thể không trả lời được hoặc trả lời không đầy đủ, tạo hứng thú tìm hiểu ở nội dung tiếp theo |

◼ HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu về tác dụng và các bộ phận cơ bản của điện thoại**

***- Mục tiêu:***

+ Trình bày được tác dụng của điện thoại;

+ Nhận biết được các bộ phận cơ bản của điện thoại;

***- Nội dung:***Quan sát hình ảnh và nhận xét tác dụng của điện thoại, các bộ phân cơ bản của điện thoại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

*Một số hình ảnh điện thoại giáo viên có thể dùng cho hoạt động (với mỗi hình nêu chú thích các bộ phận để học sinh nhận diện về các bộ phần cơ bản của điện thoại .)*

+ Điện thoại là một phương tiện để liên lạc, có thể để bàn (điện thoại cố định) hoặc đem theo người (điện thoại di động).

+ Điện thoại giúp ta có thể dễ dàng liên lạc với người khác khi họ không ở gần.

+ Ngoài tính năng chính là liên lạc, điện thoại còn có tác dụng xem ngày giờ, giải trí, tìm kiếm thông tin, liên hệ thư điện tử… khi điện thoại được kết nối internet đối với điện thoại di động

+ Các bộ phận cơ bản của điện thoại là: bộ phận nghe (loa), bộ phận nói (micro), bộ phận thân (phím, màn hình) nối giữ phần nghe và nói.

***- Sản phẩm:***Bản ghi chép của từng cá nhân và bản báo cáo kết quả làm việc và thảo luận nhóm.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV chia nhóm học sinh có thể theo bàn hoặc nhóm lớn (sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để tìm hiểu kiến thức về chức năng của điện thoại):   * *Nhiệm vụ 1: Nhóm hãy thảo luận và liệt kê tất cả những tác dụng của điện thoại mà em biết.*   GV chốt lại một số tác dụng chính của điện thoại (lưu ý: phân biệt điện thoại cố định và điện thoại di động), ngoài ra các tác dụng khác mà học sinh nêu có thể coi là tác dụng phụ của điện thoại và ngày càng được phát triển khi công nghệ phát triển.   * *Nhiệm vụ 2: Thực hiện nhiệm vụ tìm hiểu về các bộ phận cơ bản của điện thoại*   GV phát cho mỗi nhóm học sinh một ảnh của một loại điện thoại và yêu cầu học sinh thảo luận, nối tên các bộ phận với vị trí tương ứng.  GV cho các nhóm dán kết quả lên bảng và nhận xét, chốt lại nội dung kiến thức về cấu tạo của điện thoại. (Lưu ý chỉ giới thiệu các bộ phần bên ngoài liên quan tới sử dụng điện thoại).  GV lưu ý mở rộng thêm về những tính năng và và sự đa dạng về cấu tạo, kiểu dáng của điện thoại (tuỳ theo điều kiện địa phương). | HS làm việc theo nhóm.  Nhóm thảo luận, liệt kê tất cả những tác dụng của điện thoại mà các em biết đến.  Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm.  Học sinh thực hiện nhiệm vụ dựa trên vận dụng hiểu biết của cá nhân về các loại điện thoại khác nhau.  Học sinh lắng nghe và ghi nhớ kiến thức. |

**HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu về các biểu tượng và các chức năng hoạt động của điện thoại**

***- Mục tiêu:***Nhận biết được những biểu tượng thể hiện trạng trạng thái và chức năng hoạt động của điện thoại

***- Nội dung:***Hoàn thiệnPhiếu học tập về các biểu tượng và chức năng hoạt động của điện thoại (GV lựa chọn giới thiệu các biểu tượng, tính năng tuỳ thuộc vào đặc điểm của loại điện thoại giới thiệu).

+ Đối với điện thoại để bàn thì ít tính năng hơn. Cơ bản chỉ thể hiện thông qua tín hiệu âm thanh khi nhấc máy. Hiện nay một số loại điện thoại bàn cũng có tính năng ghi âm cuộc gọi, để lại tin nhắn thoại… tuỳ thuộc vào loại điện thoại đó (phần này GV mở rộng tuỳ theo điều kiện cụ thể).

+ Đối với điện thoại di động thì có nhiều biểu tượng và các chức năng hoạt động của điện thoại hơn: cuộc gọi, máy ảnh, trạng thái pin, danh bạ… (một số gợi ý trong phiếu học tập).

***- Sản phẩm:*** Câu trả lời có trong phiếu học tập về nhận diện các biểu tượng và chức năng hoạt động của điện thoại.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV sử dụng một số câu hỏi để học sinh phát hiện ra các tín hiệu, biểu tượng trang thái của điện thoại  Một số câu hỏi gợi ý:  *- Khi nhấc điện thoại bàn lên các em nghe thấy âm thanh gì?*  *- Sau khi bấm số điện thoại để thực hiện cuộc gọi sẽ có âm thanh như thế nào?*  *- Để thực hiện cuộc gọi thì cần bấm vào biểu tượng nào trên điện thoại?*  *- Để tìm số điện thoại được lưu trong điện thoại thì vào biểu tượng nào?*  GV phát phiếu học tập số 1 và yêu cầu học sinh thực hiện, sau đó GV tiến hành hoàn thành phiếu để cả lớp cùng quan sát (có thể dùng máy chiếu hoặc GV gọi từng học sinh nêu kết quả). Mỗi đáp án ghép nối, giáo viên gợi ý để học sinh nêu được ý nghĩa của biểu tượng hay trạng thái điện thoại đó.  *(GV tuỳ vào điều kiện vùng miền mà lựa chọn nội dung cung cấp cho học sinh cho phù hợp. Cơ bản có 2 loại: điện thoại cố định và điện thoại di động.)* | HS vận dụng, liên tưởng thực tế để trả lời các câu hỏi theo gợi ý của GV  HS hoàn thành phiếu học tập theo hiểu biết của mình.  HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi của GV. |

**HOẠT ĐỘNG 4: Tìm hiểu các số điện thoại của người thân và số khẩn cấp**

***- Mục tiêu:***Ghi nhớ được các số điện thoại của người thân và các số điện thoại khẩn cấp khi cần thiết.

***- Nội dung:***Quan sát hình ảnh giới thiệu các số điện thoại khẩn cấp, ghi nhớ một số số điện thoại khẩn cấp và tìm hiểu cách thực hiện cuộc gọi.





Số điện thoại người thân trong gia đình học sinh cần nhớ như số điện thoại của: bố, mẹ, ông, bà, cô, chú, anh, chị,…

***- Sản phẩm:*** Danh sách ghi số điện thoại mà học sinh nhớ được, ý kiến của học sinh về các số điện thoại khẩn mà em biết.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| Yêu cầu HS ghi nhanh số điện thoại của người thân mà em nhớ được vào giấy.  Kiểm tra xem HS nào nhớ được nhiều số điện thoại của người thân nhất, HS nào chưa nhớ được một số nào.  Hỏi:  *- Tại sao chúng ta nên nhớ được ít nhất 1 số điện thoại của người thân trong gia đình?*  *- Các em có biết số điện thoại nào không phải của người thân nhưng chúng ta cũng cần phải nhớ không?*  GV chiếu hình ảnh các số điện thoại khẩn cấp và yêu cầu HS nêu tình huống gọi điện đến các số điện thoại đó (hoặc ngược lại).  GV nêu ý nghĩa và nhấn mạnh vai trò của từng số điện thoại khẩn cấp để học sinh nhớ được (theo nội dung). | HS ghi số điện thoại các thành viên trong gia đình mà mình nhớ được vào giấy.  HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi của giáo viên.  HS vận dụng kiến thức, nhớ lại và trả lời câu hỏi của GV  - HS ghi nhớ các số điện thoại khẩn và trường hợp sử dụng chúng. |

**HOẠT ĐỘNG 5: Thực hành**

***- Mục tiêu:*** Sử dụng điện thoại an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp.

***- Nội dung:***Thực hành đóng vai thực hiện tình huống giả định khi sử dụng điện thoại.

***- Sản phẩm:*** Cách giao tiếp điện thoại tuỳ theo tình huống.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV chia lớp thành các nhóm, sử dụng phương pháp “Đóng vai”  **Luật chơi:** *mỗi nhóm sẽ được bốc một thẻ màu (thẻ màu 1 mặt trong có đánh số 1 hoặc 2), mỗi thẻ màu tượng trưng cho 1 tình huống mà GV đã chuẩn bị trong file bài giảng, GV chiếu các tình huống tương ứng với thẻ màu của các đội.*  2 nhóm bốc được cùng màu sẽ đóng vai trong tình huống tương ứng màu đó, nhóm có số 1 sẽ đóng vai người gọi điện thoại, nhóm có số 2 đóng vai người trả lời điện thoại. Mỗi nhóm có 2 phút để thảo luận và chuẩn bị. Mỗi nhóm sẽ cử 1 bạn đại diện để đóng vai diễn đạt lại ý tưởng của cả nhóm  **Yêu cầu:** *trước khi đóng vai đội 1 nêu rõ tình huống này sẽ gọi cho ai, số điện thoại như thế nào?*  Trong khi hai nhóm đóng vai, GV yêu cầu các nhóm còn lại ghi lại lời thoại của các nhóm theo phân công để nhận xét.  Kết thúc tình huống GV yêu cầu đại diện các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có)  GV nhận xét, đánh giá các nhóm về cách xử lý tình huống, cách gọi điện thoại, cách trả lời cũng như giao tiếp trong điện thoại.  GV ghi nhớ với học sinh một số điểm lưu ý trong khi thực hiện các cuộc gọi trong các tình huống khẩn cấp. | Học sinh chia nhóm theo yêu cầu của GV.  Học sinh tích cực tham gia trò chơi, thảo luận và đưa ra ý kiến trong tình huống mà nhóm mình bốc phải phù hợp với vai đóng theo số (1- người gọi điện, 2- người trả lời điện thoại).  Học sinh lắng nghe và ghi chép, thảo luận và nhận xét đoạn hội thoại, đưa ra ý kiến của mình về đoạn hội thoại.  Học sinh lắng nghe, rút kinh nghiệm |

**HOẠT ĐỘNG 6: Vận dụng**

***- Mục tiêu:***Thực hiện được cuộc gọi tới các số điện thoại của người thân an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp

***- Nội dung:*** Cùng người thân trong gia đình thực hành sử dụng điện thoại

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV yêu cầu HS về nhà cùng bố mẹ, ông bà tiếp thục thực hành các tình huống sử dụng điện thoại di động, báo cáo kết quả thực hành vào buổi học sau | HS thực hiện tại nhà, cùng những người thân thực hành sử dụng điện thoại sao cho an toàn, tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với quy tắc giao tiếp |

**Phụ lục**

**PHIẾU HỌC TẬP**

Hãy ghép nối cột A và B cho phù hợp với các biểu tượng, trạng thái điện thoại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Cột A |  | Cột B |
| ../../../7.jpg |  | Chế độ máy bay |
| ../../../0.png |  | Biểu tượng máy ảnh |
| ../../../09.png |  | Trạng thái pin yếu |
| ../../../sa.jpg |  | Biểu tượng danh bạ điện thoại |
| ../../../pic.png |  | Biểu tượng mức sóng điện thoại |
| ../../../00.png |  | Biểu tượng cuộc gọi |
| ../../../8.jpg |  | Trạng thái điện thoại đang sạc pin |
|  |  | Biểu tượng mức sóng wifi |

## **4.2. Bài “Sử dụng tủ lạnh”**

Bài “Sử dụng tủ lạnh” thuộc nội dung “Sử dụng tủ lạnh” thuộc chương trình phần Công nghệ 5 trong chương trình GDPT 2018 và ở đây được thực hiện trong 2 tiết trên lớp. Số thứ tự của bài “Sử dụng tủ lạnh” trong bảng 11 là 17 nên ở đây đặt bài này là bài 17.

**Bài 17. SỬ DỤNG TỦ LẠNH**

**(2 tiết)**

\*YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình.

- Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh.

- Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

*\* Phẩm chất:*

- **Chăm chỉ:** Có ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở về sử dụng tủ lạnh vào trong đời sống hằng ngày.

*\* Năng lực chung:*

**- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Xác định được trách nhiệm và hoạt động của bản thân cần nhanh chóng lựa chọn và xếp thẻ thực phẩm vào đúng vị trí trong tủ lạnh nhanh nhất theo hướng dẫn phân công nhóm.

*\* Năng lực công nghệ:*

**-** Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình;

- Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh;

- Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

II. CHUẨN BỊ BÀI HỌC

**1. Giáo viên**

- Chuẩn bị hình ảnh về một số tủ lạnh được sử dụng trong gia đình, siêu thị.

- Chuẩn bị phiếu học tập phù hợp với hoạt động.

**2. Học sinh**

Thực hiện nhiệm vụ được giao cho từ cuối giờ học trước: Quan sát tủ lạnh ở gia đình để tìm hiểu tác đụng và các khoang chứa khác nhau của tủ lạnh.

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**◼ HOẠT ĐỘNG 1: Khởi động tạo hứng thú nhận thức tìm hiểu công dụng của tủ lạnh trong gia đình**

***- Mục tiêu:*** Khởi động tư duy, tạo tâm thế học tập để tìm hiểu cách thức sử dụng tủ lạnh

***- Nội dung:*** Tìm hiểu các cách bảo quản thực phẩm thường dùng trong gia đình

***- Sản phẩm***: Trả lời các câu hỏi

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV đưa ra một số hình ảnh các cách bản quản thức ăn. Yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:  H1*E:\A.GIÁO DỤC PHỔ THÔNG\1-SGK MỚI-NXB GD\Lớp 6-Cb T.Long\Chương 2- Chế biến và bảo quản thực phẩm\IMG_7121.jpg* H2  H3  H4  *(1) Kể tên được cách bảo quả thức ăn trong hình* | Quan sát hình ảnh, kể tên cách bảo quản thức ăn  H1: Sấy khô (phơi khô)  H2: Tủ lạnh (bảo quản lạnh)  H3: Tủ đông (bảo quản lạnh  H4: Đóng hộp |
| *(2) Sau khi đi chợ về, các thực phẩm tươi như thịt, cá, rau hoa quả tươi muốn để được lâu dài thì gia đình em thường bảo quản như thế nào?*  *(3) Bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh ở vị trí nào giúp thức ăn được tươi ngon, giữ được lâu?*  *GV dẫn dẫn HS tìm hiểu câu trả lời thông qua tham gia các hoạt động học tập tiếp theo* | HS: bảo quản bằng tủ lạnh (bảo quản rau, thịt cá,…)  HS có thể không trả lời được, hoặc trả lời không đầy đủ. Tạo hứng thú tìm hiểu nội dung phần sau. |

◼ HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

**HOẠT ĐỘNG 2:** **Tìm hiểu tác dụng và các khoang chứa khác nhau của tủ lạnh trong gia đình**

***- Mục tiêu:***

+ Trình bày được tác dụng của tủ lạnh trong gia đình.

+ Nhận biết được vị trí, vai trò các khoang khác nhau trong tủ lạnh

***- Nội dung:*** Quan sát hình ảnh và nhận xét tác dụng của tủ lạnh trong gia đình. Sắp xếp các thẻ tên gọi các khoang khác nhau trong tủ lạnh vào đúng vị trí.

***- Sản phẩm***: Trả lời các câu hỏi.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV?: Em hãy quan sát hình và cho biết tủ lạnh có thể bảo quản được những thực phẩm như thế nào? | HS: Bảo quản các thực phẩm tươi như thịt, cá, rau hoa quả. Bảo quản thức ăn đã chế biến chưa sử dụng hết |
| - GV phát tranh câm (không chú thích nội dung) về các khoang đựng thực phẩm khác nhau trong tủ lạnh, chỉ đánh số thứ tự các khoang từ 1 đến 8.    *Vị trí các khoang chứa khác nhau trong tủ lạnh*  - GV phát cho mỗi nhóm các thẻ học tập (nhóm từ 3 đến 6 học sinh/ 1 bộ thẻ*),* gồm các thẻ tên gọi các khoang chứa khá nhau trong tủ lạnh và thông tin về vai trò các khoang chứa   |  | | --- | | Tủ lạnh thường có nhiều ngăn chứa thực phẩm với nhiệt độ làm lạnh khác nhau:  *- Ngăn làm đá:* giúp tạo ra những viên đá lanh, để riêng tách với khu chứa thực phẩm sống.  *- Ngăn tủ đá:* bảo quản thực phẩm tươi sống như thịt, cá, hải sản dài ngày.  *- Ngăn tủ mát:* giữ thực phẩm tươi sống hoặc thức ăn bảo quản cho bữa ăn sau, sử dụng ngắn ngày.  *- Ngăn đựng rau củ:* giúp bảo quản rau củ quả được tươi lâu  - *Ngăn đựng trứng:* bảo quản các loại trứng gia cầm  *- Ngăn đựng chai lọ ở khay cửa ngăn mát:* thường xuyên lấy như nước, sữa. |   - Yêu cầu nhóm HS quan sát vị trí các khoang chứa khác nhau trong tủ để xác định được tên gọi các khoang chứa. | Nhóm HS quan sát vị trí các khoang chứa khác nhau trong tủ để xác định được tên gọi các khoang chứa.   * (1)   Ngăn làm đá  Ngăn đá  Ngăn rau quả  Khay đựng trứng  Khay cửa ngăn mát chai lọ  Ngăn mát  Ngăn mát thực phẩm sống  Khay cửa ngăn đá   * (2) * (8) * (3) * (5) * (7) * (6)   (4) |
| Tổng kết chốt lại kiến thức về vai trò và vị trí các khoang chứa khác nhau trong tủ lạnh | Ghi vào vở |

**HOẠT ĐỘNG 3:** **Tìm hiểu cách sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn**

***- Mục tiêu:*** Trình bày được cách sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

***- Nội dung:*** Xác định các hành động sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn.

***- Sản phẩm***: Câu trả lời có trong Phiếu học tập số 1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1  *Em hãy xác định thao tác sử dụng tủ lạnh ĐÚNG (Đ)/ SAI (S). Giải thích vì sao?*  1)🞏 Đóng mở cửa tủ lạnh nhiều lần khi không có nhu cầu sử dụng | | |
| 2)🞏 Để thoải mái, rất nhiều đồ trong các ngăn lạnh  **D:\1-SGK MỚI-NXB GD\Lớp 6-Cb T.Long\Chương 4 - Đồ dùng điện\Ảnh tủ lạnh\tu1164923087_qfes.jpg** | | 3)🞏 Sắp xếp lượng thực phẩm vừa phải gọn gàng ở những khu vực khác nhau của tủ lạnh |
| 4) 🞏Tủ lạnh phải vệ sinh thường xuyên  D:\1-SGK MỚI-NXB GD\Lớp 6-Cb T.Long\Chương 4 - Đồ dùng điện\Ảnh tủ lạnh\11.jpg | 5) 🞏 Tủ lạnh không cần vệ sinh thường xuyên, vài năm làm một lần  D:\1-SGK MỚI-NXB GD\Lớp 6-Cb T.Long\Chương 4 - Đồ dùng điện\Ảnh tủ lạnh\10.jpg | |
| 6) 🞏Nên bảo quản đồ ăn trong hộp kín hoặc dùng màng bọc thực phẩm để tránh thực phẩm bị lẫn mùi |  | |

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV phát cho mỗi nhóm Phiếu học tập số 1.  +Yên cầu nhóm thảo luận cách sử dụng tủ lạnh an toàn và tiết kiệm  + Giải thích vì sao đó là thao tác sử dụng chưa đúng và an toàn | Nhóm HS thảo luận từng tình huống,  + Xác định thao tác sử dụng ĐÚNG (Đ)/ SAI (S)  + Giải thích  TH1-S TH2- S TH3- Đ  TH4- Đ TH5-S TH6-Đ |
| - GV tổ chức cho nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Mời đại diện 1 nhóm lên báo cáo kết quả.  - Tổ chức thảo luận, tổng kết chốt lại kiến thức về sử dụng tủ lạnh đúng cách và an toàn:  + Sắp xếp thực phẩm gọn gàng trong những hộp kín hoặc dùng màng bọc thực phẩm:  + Tùy loại thực phẩm mà đặt ở những khoang khác nhau của tủ lạnh;  + Tủ lạnh phải vệ sinh thường xuyên để tránh bị lẫn mùi. | - Đại diện nhóm báo cáo kết quả. Giải thích vì sao đó là cách sử dụng chưa hợp lí.  - Nhóm khác nhận xét và bổ sung  - HS ghi vào vở kiến thức cần ghi nhớ |

**◼ HOẠT ĐỘNG 4:** **Luyện tập**

***- Mục tiêu:*** Thực hiện được việc sắp xếp, bảo quản thực phẩm trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

***- Nội dung:*** Nhận biết tên gọi các loại thực phẩm và sắp xếp, bảo quản chúng vào trong tủ lạnh đúng cách, an toàn.

***- Sản phẩm***: Hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

***- Cách thức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| GV đưa một số thẻ hình ảnh về các loại thực phẩm, thức ăn phổ biến trong gia đình (một thẻ có thể được sử dụng nhiều lần).  E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\cá.jpg E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\cánh gà.jpg  E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\Bánh mì.jpg E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\120503mssolothuytinhHinh-2_43c0b.jpg  E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\Sữa chua 1.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\khay-nhua-tu-da.jpg  E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\Glass-Milk-Bottle-Mockup.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\unnamed.pngE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\Tương ớt.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\kem.jpg  E:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\trứng.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\vải.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\xà lách.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\rau.jpgE:\E7. BỒI DƯỠNG BỘ GD-ĐT\Thiết bị dạy học tiểu học\HÌnh ảnh\Thực phẩm\7889236dda56528e0c83070733381bc0.jpg  Yêu cầu nhóm HS gọi tên thực phẩm đó, xác định vị trí phù hợp đặt trong các khoang chứa của tủ lạnh | - Nhóm HS nhận các thẻ hình ảnh, kể tên các loại thực phẩm  Nhận xét loại thực phẩm này nên bảo quản ở vị trí nào    - Nhóm thông nhất câu trả lời  *+ Cá/ cánh gà:* có thể để ngăn đá (2) nếu cần bảo quản lâu dài hoặc để ở ngăn mát thực phẩm sống (3) nếu sử dụng trong ngày.  + *Sữa, nước cam, tương ớt*… để ở khau cửa ngăn mát (6)  + *Sữa chua, bánh mì, thức ăn đã chế biến*.. để ở ngăn mát (4)  + *Trứng* để ở khay đựng trứng (7)  + *Hoa quả, rau củ quả* để ở ngăn đựng rau quả (5)  *+ Đá viên…* để ở ngăn làm đá (1) |
| - GV chia lớp làm 4 đội chơi có tên do đội tự chọn. Trong thời giam 5 phút, yêu cầu các nhóm chạy tiếp sức và đặt các thẻ thực phẩm vào đúng vị trí khoang chứa tủ lạnh phù hợp.  - GV đếm số thẻ thực phẩm để đúng vị trí của nhóm, khen thưởng đội chiến thắng. | Mỗi thành viên của đội bốc thăm lấy 1 thẻ thực phẩm, di chuyển nhanh lên bảng đặt vào vị trí khoang chứa phù hợp rồi quay trở lại điểm xuất phát để bạn tiếp theo chơi. |

**◼ HOẠT ĐỘNG 4:** **Vận dụng**

***- Mục tiêu:*** Vận dụng được các kiến thức đã học vào quá trình sử dụng tủ lạnh trong gia đình đảm bảo đúng cách và an toàn.

***- Nội dung:*** Tình huống sử dụng tủ lạnh trong gia đình.

***- Sản phẩm***: Giải quyết các tình huống sử dụng tủ lạnh trong cuộc sống.

***- Cách thức thực hiện:***

+ GV đưa ra các tình huống sử dụng tủ lạnh trong thực tế để nhóm HS thảo luận và đưa ra phương án xử lí phù hợp.

*a. Hoa và Dũng giúp mẹ cất thực phẩm vừa đi chợ vào trong tủ lạnh. Hai anh em tranh luận cách sắp xếp thực phẩm trong tủ lạnh.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Dũng:** Cứ cho hết thực phẩm vào trong tủ lạnh vì chỗ nào nhiệt độ cũng như nhau nên không ảnh hưởng. |  | **Hoa:** Phải bọc thực phẩm hoặc cho vào hộp có nắp, rồi mới để thực phẩm vào những khu vực riêng |

Theo em ý kiến của bạn nào hợp lí, giải thích?

*b. Các loại thực phẩm nặng mùi như mít, sầu riêng nên bảo quản trong tủ lạnh như thế nào?*

****

Các nhóm HS thảo luận và đưa ra các phương án giải quyết của mình. Trình bày trước lớp các giải quyết.

+Yêu cầu HS về nhà trao đổi với người thân cách thức sử dụng tủ lạnh sao cho đúng cách và an toàn. Cùng người thân tìm hiểu một số cách khử mùi hôi trong tủ lạnh. Buổi sau sẽ chia sẻ với các bạn về những cách mình đã tìm hiểu được.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Công nghệ 2006,* ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Hà Nội - 2006
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn Số: 7975/BGDĐT-GDTH, ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Bội GDĐT về việc Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kĩ thuật Tiểu học.* Hà Nội – 2009.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư Số: 30/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bội GDĐT về việc Quy định đánh giá học sinh Tiểu học.* Hà Nội – 2014.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư Số: 22/2016/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bội GDĐT về sửa đổi, bổ sung một số quy định trong Thông tư 30.* Hà Nội – 2016.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018,* ban hành kèm theo Thông tư số 32/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ GDĐT. Hà Nội – 2018.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn 1125/BGDĐT-GDTH ngày 31 tháng 3 năm 2020 về việc Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học học kì II năm học 2019-2020.* Hà Nội- 2020.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16 tháng 4 năm 220 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.* Hà Nội- 2020*.*
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư 27/2020/TT-BGD ĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Ban hành qui định đánh giá học sinh tiểu học.* Hà Nội- 2020.
9. Sách giáo khoa Kĩ thuật 4; sách giáo khoa Kĩ thuật 5 và một số tài liệu liên quan.